

Bản án số: **26/2021/HC-ST**
Ngày: 11/10/2021
Về việc “Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Quy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thái và ông Nguyễn Ngọc Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 24/2016/TLST-HC ngày 17 tháng 10 năm 2016 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HC ngày 13/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐ-ST ngày 29/9/2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị Ch – sinh năm 1949; Địa chỉ: Khu phố 2, phường Hòa V, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã Đông H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3/ Ủy ban nhân dân phường Hòa V, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4/ Ông Trần Ba T1 – sinh năm 1949; Địa chỉ: Khu phố 2, phường Hòa V, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Các con ông Trần Ba T1, bà Lê Thị Ch:

5/ Ông Trần Ngọc T2; Địa chỉ: Số 124 đường Nguyễn Văn L, phường Phú L, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6/ Ông Trần Nguyên V; Địa chỉ: Số 64/10 đường Lê Thành Ph, phường 8, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

7/ Bà Trần Thị Kim Ng; Địa chỉ: Thôn Vĩnh Ph, xã Hòa A, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

8/ Ông Trần Văn M; Địa chỉ: khu phố Ninh T 2, phường 9, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

9/ Bà Trần Thị Kim L; Địa chỉ: Khu phố 2, phường Hòa V, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

10/ Ông Trần Đăng H1; Địa chỉ: Khu phố 2, phường Hòa V, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2016 và tại phiên tòa bà Lê Thị Ch trình bày:

Hộ gia đình bà Lê Thị Ch được nhà nước giao đất theo Nghị định 64/CP, trong đó có thửa đất số 96 thuộc xứ đồng Bầu Da, thị trấn Hòa V, huyện Đông H (nay là phường Hòa V, thị xã Đông H), tỉnh Phú Yên. Năm 2008 nhà nước thu hồi diện tích đất 2.814,5m². Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bà Ch đã nhận là 162.348.000 đồng đối với diện tích đất 832m².

Nay bà Ch yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đông H về việc chấm dứt hiệu lực toàn bộ thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.572m², đất 02 lúa (một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Tuy H cấp ngày 07/12/1996, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1154/QSDĐ, đã cấp cho bà Lê Thị Ch) (*viết tắt là Quyết định số 2787*); Văn bản số 2109/UBND-TNMT ngày 05/7/2016 của UBND huyện Đông H về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của bà Lê Thị Ch (*viết tắt là Văn bản số 2109*).

Trong quá trình tố tụng bà Ch có đơn yêu cầu hủy 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) đã cấp cho: Ông Trương Vĩnh Th2, ông Nguyễn Đình Ngh1, bà Lê Thị Ngọc L, ông Lý Thế Đ, ông Lý Thế Đ2, ông Nguyễn Văn Ch2, bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Ngọc Th4, bà Nguyễn Thị Th5, bà Phạm Thị H7, ông Lê Minh Tr8. Vì UBND thị xã Đông H cấp GCNQSD đất cho những người nêu trên chồng lên thửa đất số 96 của bà. Có lúc bà Ch trình bày chỉ yêu cầu hủy 10 GCNQSD đất vì thửa đất ông Lý Thế Đ sử dụng chưa được cấp GCNQSD đất. Tuy nhiên, ngày 07/9/2020, ngày 15/9/2020 và tại phiên tòa bà Ch đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện hủy 11 GCNQSD đất.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án người bị kiện trình bày:

Thực hiện Nghị định 64/CP, hộ bà Lê Thị Ch được cân đối giao đất nông nghiệp, trong đó có thửa số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.572m², loại đất 2 lúa. Năm 1995 đo đạc lại bản đồ, thửa đất số 96 được đo đạc thành 2 thửa (thửa 946, tờ bản đồ 17-A và thửa 13a, tờ bản đồ 17-C).

Thực hiện Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 04/6/2008 của UBND tỉnh Phú Yên thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 2 (đọc 2 bên Quốc lộ 1A), thị trấn Hòa V, huyện Đông H, tỉnh Phú Yên. Ngày 30/6/2008 UBND huyện Đông H ban hành Quyết định số 348/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 2, thị trấn Hòa V, huyện Đông H. Trong đó hộ bà Lê Thị Ch được bồi thường 162.348.000 đồng (bà Ch đã nhận tiền).

Ngày 16/7/2008 UBND huyện Đông H ban hành 02 Quyết định thu hồi đất của hộ bà Lê Thị Ch để xây dựng công trình khu dân cư thôn 2 gồm: Quyết định số 878/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.671,5m² loại đất lúa, thửa số 946, tờ bản đồ 17-A và Quyết định số 879/QĐ-UBND thu hồi 832,8m² loại đất lúa thuộc thửa số 13a, tờ bản đồ 17c. Theo quy định tại Điều 2 của Quyết định thu hồi đất: Phòng Tài nguyên và Môi trường thu hồi GCNQSD đất của người có đất bị thu hồi, thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính, GCNQSD đất đã cấp cho người có đất bị thu hồi.

Tuy nhiên, bà Ch không giao GCNQSD đất cho Phòng Tài nguyên và Môi trường nên Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định số 2787 là đúng quy định pháp luật.

Thực hiện Văn bản số 2442/UBND-NC ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh Phú Yên về việc kiểm tra, trả lời nội dung đơn đề nghị của bà Ch thì UBND huyện ban hành Văn bản số 2109 để trả lời cho bà Ch được biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đông H, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H và UBND phường Hòa V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

- Ông Trần Ba T1 thống nhất nội dung trình bày và yêu cầu của bà Ch.

- Các ông (bà) Trần Ngọc T2, Trần Nguyên V, Trần Thị Kim Ng, Trần Văn M, Trần Thị Kim L và Trần Đăng H1 không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính, tuyên bác yêu cầu khởi kiện vì không có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh tụng của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xác định Phòng Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm phát triển quỹ đất là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 15/8/2016 bà Lê Thị Ch có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2787 là còn thời hiệu, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Trong quá trình tố tụng, bà Ch yêu cầu hủy Văn bản số 2109, tuy nhiên Văn bản số 2109 có nội dung thông báo cho bà Ch được biết quá trình thu hồi, bồi thường về đất cho bà Ch và việc bà Ch không giao nộp GCNQSD đất để chỉnh lý nên UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2787. Vậy, Văn bản số 2109 không “quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể” nên không phải là quyết định hành chính và không thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính. Do đó, bà Ch yêu cầu hủy Văn bản số 2109 là không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 07/12/1996 UBND huyện Tuy H (nay là thị xã Đông H) cấp GCNQSD đất, vào sổ cấp GCNQSD đất số 1154/QSDĐ cho hộ gia đình bà Lê Thị Ch diện tích 4.542m² (Gồm: Thửa số 1087 diện tích 230m², thửa 96 diện tích 2.572m² và thửa số 76 diện tích 1.640m²), GCNQSD đất ghi diện tích chưa kiểm tra.

Năm 2008 UBND huyện Đông H thu hồi diện tích đất 2.504,3m² (thửa 96) của hộ bà Ch và bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 162.348.000 đồng (bà Ch đã nhận đủ tiền). Bà Ch không đồng ý việc bồi thường nên khởi kiện tại Tòa án, kết quả: Bản án sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 07/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Bản án phúc thẩm số 235/2019/HC-PT ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đều bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ch; Thông báo số 437/TB-TA ngày 20/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao trả lời đơn kiến nghị của bà Ch có nội dung không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án phúc thẩm số 235/2019/HC-PT ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Theo điểm a khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 quy định “Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp: Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất trên Giấy chứng nhận đã cấp”. Theo khoản 1, khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai: “1. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất có nghĩa vụ nộp Giấy chứng nhận đã cấp trước khi được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật đất đai. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thu Giấy chứng nhận đã cấp chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để quản lý”; “7. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều này mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không giao nộp Giấy chứng nhận thì Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; lập danh sách Giấy chứng nhận đã bị hủy gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Quản lý đất đai để thông báo công khai trên trang thông tin điện tử”.

Theo điểm r khoản 1 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất “Các trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp: Nhà nước thu hồi một phần diện tích của thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận”. Điểm b khoản 2 Điều 26 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính có quy định thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính “trường hợp thu hồi một phần thửa đất thì quét hoặc sao Giấy chứng nhận đã xác nhận thu hồi đất để lưu”.

Lẽ ra, bà Ch phải nộp lại GCNQSD đất cho cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý GCNQSD đất đối với diện tích đất đã bị thu hồi nhưng bà Ch không giao nộp, mặc dù bà Ch đã nhận giấy mời của Phòng Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Bà nộp lại GCNQSD đất. Vì vậy, để thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai được quy định tại Điều 22 Luật đất đai năm 2013, UBND huyện Đông H ban hành Quyết định số 2787 là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu hủy 11 GCNQSD đất đứng tên: Ông Trương Vĩnh Th2, ông Nguyễn Đình Ngh1, bà Lê Thị Ngọc L, ông Lý Thế Đ, ông Lý Thế Đ2, ông Nguyễn Văn Ch2, bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Ngọc Th4, bà Nguyễn Thị Th5, bà Phạm Thị H7 và ông Lê Minh Tr8.

Xét ngày 07/9/2020, 15/9/2020 và tại phiên tòa bà Lê Thị Ch tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện này nên căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy 11 GCNQSD đất.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Ch là không có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Ch là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 22, điểm a khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; điểm r khoản 1 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; điểm b khoản 2 Điều 26 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

Tuyên xử: I/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đông H về việc chấm dứt hiệu lực toàn bộ thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.572m², đất 02 lúa (một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Tuy H cấp ngày 07/12/1996, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1154/QSĐĐ, đã cấp cho bà Lê Thị Ch).

- Yêu cầu hủy Văn bản số 2109/UBND-TNMT ngày 05/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đông H về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của bà Lê Thị Ch.

Vì không có căn cứ pháp luật.

II/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch: Yêu cầu hủy 11 (mười một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã Đông H cấp đứng tên: Ông Trương Vĩnh Th2, ông Nguyễn Đình Ngh1, bà Lê Thị Ngọc L, ông Lý Thế Đ, ông Lý Thế Đ2, ông Nguyễn Văn Ch2, bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Ngọc Th4, bà Nguyễn Thị Th5, bà Phạm Thị H7, ông Lê Minh Tr8 (đối với thửa đất số 96 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị Ch).

Về án phí: Căn cứ Điều 345 Luật tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Ch 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 944 ngày 12/10/2016 của Cục Thi hành án dân tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị Quy